

Quan niệm về con người qua một số triết gia tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh

Perception of humanity from some typical Philosophers of existentialism

TS. Võ Văn Dũng,
Trường Đại học Khánh Hòa

Vo Van Dung, Ph.D.,
Khanh Hoa University

Tóm tắt

Có thể khẳng định rằng chủ nghĩa hiện sinh ra đời là sự phản ánh hiện thực xã hội châu Âu nửa đầu thế kỷ XX. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa hiện sinh là con người. Chủ nghĩa hiện sinh đã lấy con người làm trung tâm nghiên cứu và khẳng định sự tự do của con người là tất yếu khách quan. Các nhà hiện sinh cũng đề cập về thân phận con người trong mối quan hệ với tha nhân. Nếu gạt bỏ đi những hạn chế nhất định thì chủ nghĩa hiện sinh vẫn có những giá trị nhất định như: chủ nghĩa hiện sinh mang tính nhân văn và thời sự cấp thiết; chủ nghĩa hiện sinh đã và đang có tác động nhất định đến đời sống con người trên thế giới.

Từ khóa: chủ nghĩa hiện sinh, xuất hiện, điều kiện, quan hệ, triết gia.

Abstract

It can be asserted that the appearance of existentialism was a reflection of social reality in Europe in the first half of the twentieth century. The core of existentialism is humanity. Existentialism employs human-centered research and asserts that the freedom of human beings is indispensable. The existentialists also mention the human status in relation with other people. If some limitations can be neglected, the existentialism could have such values as humanity and necessity; existentialism has had some significant impact on people's lives around the world.

Keywords: existentialism, appearance, condition, relation, philosopher.

1. Đặt vấn đề

Chủ nghĩa hiện sinh là một trào lưu triết học quan trọng trong khuynh hướng triết học nhân bản của phương Tây hiện đại, chính thức được (Existentialism) khai sinh vào năm 1927 với tác phẩm “*Hữu thể và thời gian*” của Martin Heidegger, và kết thúc vào năm 1960 như một triết thuyết với “*Phê bình lý trí biện chứng*” của Jean Paul Sartre. Chủ nghĩa hiện sinh gắn liền với tên

tuổi của các nhà triết học Đan Mạch là S. Kierkegaard, nhà hiện sinh Đức M. Heidegger, K. Jaspers và các nhà triết học Pháp như J. P. Sartre, G. Marcel, A. Camus và Simon de Beauvoir,... Với nhiệt thành ưu ái dành cho con người vị trí độc tôn, chủ nghĩa hiện sinh được tán dương, ưa chuộng và trở thành trào lưu nổi bật trong triết học phương Tây những năm 40 – 60 của thế kỷ XX.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu một số nội dung cơ bản về con người trong chủ nghĩa hiện sinh qua một số tác giả hiện sinh tiêu biểu, để từ đó rút ra những đánh giá về tư tưởng con người trong chủ nghĩa hiện sinh.

2. Nội dung quan niệm về con người qua một số triết gia tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh

Chủ nghĩa hiện sinh là một trường phái triết nhân bản của triết học phương Tây hiện đại. Nó là sự phản ánh hiện thực xã hội châu Âu và là sự phản ứng, đối lập lại chủ nghĩa duy lý. Các nhà hiện sinh đã kịch liệt phê phán chủ nghĩa duy lý kỹ thuật, vạch rõ sự thiếu hụt tính nhân đạo trong nền văn minh phương Tây. Cũng như các trào lưu triết học khác, chủ nghĩa hiện sinh theo đuổi mục đích giành lại nhân vị, tự do cho con người.

Chủ nghĩa hiện sinh lấy con người làm trung tâm - con người độc đáo với hai mặt: hữu thể (hữu thể người) và hiện hữu (hiện hữu của con người). Hai mặt này được xem như là vấn đề trung tâm, cơ bản và là khởi nguyên của triết học hiện sinh. Chủ nghĩa hiện sinh cho rằng, mỗi cá nhân có một định mệnh độc đáo riêng, không ai giống ai; do vậy, có bao nhiêu con người trên trái đất thì có bấy nhiêu nhân vị. Trên quan điểm hiện hữu có trước bản chất, các nhà hiện sinh còn chỉ ra rằng, hiện hữu thống nhất với bản chất, sự hiện hữu và bản chất của con người là một, là đồng nhất với nhau. Bản chất con người luôn biểu hiện trong tính cụ thể, con người hiện sinh như thế nào thì cũng tạo thành bản chất như thế ấy và bản chất con người được thể hiện thông qua sự hiện sinh của anh ta. Tư tưởng này đã khẳng định vị thế của con người, con người tồn tại như một nhân vị tự do, con người là một chủ thể sáng tạo.

Con người không hành động theo những công thức rập khuôn, sẵn có; mà là không ngừng hiện hữu, không ngừng tạo ra những sắc thái riêng của mình. Trên quan điểm đó, chủ nghĩa hiện sinh đã chỉ ra rằng, sự tồn tại của con người có trước bản chất và chủ nghĩa hiện sinh là một triết học hành động, nhấn mạnh tính năng động, sáng tạo của con người.

Quan điểm của chủ nghĩa hiện sinh về sự tự do của con người. Nhìn chung, các triết gia hiện sinh đều tự cho rằng, triết lý hiện sinh quan tâm đến thân phận con người và đề cao sự tự do của mọi cá nhân. Các nhà hiện sinh quả cho rằng, chỉ có triết học hiện sinh là thứ triết lý duy nhất coi trọng sự tự do đích thực của mỗi cá nhân. Tự do “là một đặc tính của con người, tự do là cơ sở của cá tính và là điều kiện của sự vươn tới. Có tự do mới có cá tính; không có tự do con người sẽ không có nhân cách mà chỉ là cái bóng của những lực lượng tự nhiên” [3, 28]. Các nhà hiện sinh cho rằng, con người vốn dĩ là một thực thể tự do vì con người không phải như các đồ vật, không phải như thế giới cái nhiên. Trong thế giới cái nhiên, mọi đồ vật đều phải tuân theo những quy luật của thiên nhiên. Còn con người là một thực thể có đời sống tinh thần, có ý thức mà các triết gia hiện sinh gọi là thức giác, trực giác. Vì vậy, một mặt họ thừa nhận con người cũng bị ràng buộc bởi nhiều mối liên hệ với thế giới khách quan, mặt khác nhờ có ý thức nên vẫn tự do. Bản chất của con người là tự do. Tính người đích thực chủ yếu cũng là tự do. Nhưng khi đi vào cuộc sống ở đời là sống với, là quan hệ với người khác, với thế giới nên họ bị người khác và thế giới lấy mất đi tự do của mình. Họ cho rằng, con người mất tự do được xuất phát từ sự chi phối của thế giới đồ vật

và của những quan hệ giữa người với người trong xã hội. Con người sống phụ thuộc vào thế giới đồ vật, vào cuộc sống của người khác là con người sống không tự do, là sống đầy nhưng lại là không sống. Sartre đòi: “Sống ở đời là đi thăm hỏi đời mà không bị đời dính dấp, lôi cuốn” [7, 302] Sartre viết: “Con người trước hết là một dự phóng sống hoàn toàn theo chủ quan, sống cho mình, để thay vì là một đám rêu xanh, một cái gì hôi thối, hoặc một cái bấp cải” [6, 20-21]. Chỉ có tự do là cái mình muốn “Tự do không có một mục đích nào khác, ngoài mục đích muốn tự thể hiện” [5, 52]. Như vậy, Sartre cho rằng, con người có quyền được lựa chọn bất kỳ cái gì và hành động theo những điều mình lựa chọn, đó chính là tự do. Bên cạnh Sartre thì Beauvoir cũng là nhà triết học rất đề cao sự tự do, thậm chí Beauvoir không muốn hy sinh một chút gì cho những quy ước của xã hội. Beauvoir cho rằng, tự do chính là người phụ nữ tự giải phóng theo vòng đời và sẽ trở thành những nhà tư tưởng lớn, tự do là tích cực tham gia các phong trào kháng chiến mà Sartre và Camus đã góp phần khởi xướng. Các nhà hiện sinh xem tự do ở đây là tự do vượt ra ngoài mọi con đường, mọi mẫu có sẵn. Giới hạn của tự do, nếu có, lại nằm ngay trong sự tự do tức ngay trong chủ quan của tôi chứ nó không có một giới hạn nào ngoài nó cả. Sartre viết: “Không có giới hạn nào do bên ngoài đặt ra ngăn chặn sự tự do, nhưng giới hạn đó nằm ngay trong bản chất của sự tự do” [8, 619]. Quan niệm về tự do tuyệt đối trong chủ nghĩa hiện sinh thực sự là trung tâm, là linh hồn của thứ triết lý này nên nó thực sự đóng vai trò nền tảng để xây dựng những thuyết đề khác trong chủ nghĩa hiện sinh. Đó là “sự tự do là sự tự do lựa chọn, chứ không phải là tự

do không lựa chọn. Quả thế, không lựa chọn là chọn việc không lựa chọn... và đó là tính cách phi lý của sự tự do” [10, 113]. Mounier viết: “Chúng ta là một sự tự do để lựa chọn chúng ta không lựa chọn để làm những con người tự do” [9, 172]. Tự do được bảo tồn trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nó biểu hiện ở khả năng lựa chọn quan hệ của mình với thế giới, trong sự “liên hệ với”, “chung sống với” tha nhân, tôi muốn mình tự do thì phải tôn trọng sự tự do của kẻ khác, tự do của tôi. Sartre viết: “Tôi phải đồng thời muốn sự tự do cho tôi và muốn sự tự do cho kẻ khác... Tôi không thể lấy sự tự do của tôi làm mục đích nếu không lấy sự tự do của tha nhân làm mục đích” [6, xem 34, 53, 55]. Jaspers cho rằng, tự do là tự quyết và tự chọn vì tự do là đặc tính của hiện sinh, và cũng như hiện sinh tự do là cái chúng ta chỉ có thể chứng nghiệm và không có thể giải nghĩa cho người chưa tự do.

Các nhà hiện sinh còn đề cập đến trách nhiệm với xã hội, trách nhiệm xã hội gắn với tự do lựa chọn. Trách nhiệm của con người là trách nhiệm đối với tự do, nhưng tự do phải gắn liền với trách nhiệm đạo đức. Mỗi cá nhân phải có ý thức, trách nhiệm trước bản thân mình, trước người khác khi đưa ra sự lựa chọn của mình chứ không phải chịu trách nhiệm trước một đối tượng nào đó như pháp luật, chuẩn mực xã hội, chuẩn mực đạo đức,... “Thế nào là tự do? Đó là người ta phải có ý chí tự gánh vác trách nhiệm đối với bản thân” [2, 148]. Theo quan điểm của các nhà hiện sinh, mọi giá trị đạo đức không phải là cái có sẵn, tất yếu quy định, ràng buộc con người, mà tất cả mọi giá trị đều là kết quả của sự lựa chọn của mỗi cá nhân, là sự sáng tạo nhờ tự do của mỗi người. Sức sáng tạo ra các giá trị của con người là vô cùng, bởi mỗi cá nhân

là một thế giới tâm hồn phong phú, đa dạng.

Quan niệm của các nhà hiện sinh về thân phận con người trong mối quan hệ tha nhân. Các nhà hiện sinh cho rằng, con người sống trong xã hội sẽ thuộc về xã hội và chịu sự ràng buộc của xã hội. Mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, theo cách lý giải của chủ nghĩa hiện sinh, chính là mối quan hệ giữa cá nhân và tha nhân. Có thể nói mối quan hệ cá nhân – tha nhân là một nội dung quan trọng của thuyết này. Theo các nhà hiện sinh, triết học truyền thống đã gạt vấn đề tha nhân sang một bên một cách kì lạ mà chỉ đặc biệt chú trọng đến tri thức luận, vũ trụ ngoại giới, bản ngã, hồn và xác, vật chất và tinh thần, Thượng đế, còn vấn đề tương quan giữa ta và người khác ít được đặt ra (có chăng chỉ đến chủ nghĩa Mác). Như vậy, chủ nghĩa hiện sinh không phải là lần đầu tiên trong lịch sử đặt ra vấn đề này mà chỉ là sự tiếp tục giải quyết vấn đề này. Song triết hiện sinh đã đưa vấn đề tha nhân lên hàng những vấn đề chính yếu. Các nhà hiện sinh nhấn mạnh, tha nhân là nguồn gốc của loài người và gắn chặt với con người. Vì tha nhân hiện hữu nên tôi phải sống với sự hiện hữu của họ, nghĩa là chia sẻ những dự phóng, những cảm tính của họ. Sự hiện hữu của tha nhân sẽ làm tôi có một ấn tượng về sự thương tổn. Tôi phải sống một đời sống riêng của mình bên cạnh tha nhân. Mỗi người khép kín trong hiện sinh của mình. Cho nên ta không hiểu được tha nhân, cũng như không làm cho họ hiểu ta. Từ đó thấy rằng, những hiểu lầm, những phán đoán bất công, sai lạc chỉ có một nguyên nhân là tha nhân và tai họa của con người chính là sự hiện hữu của tha nhân. Theo Marcel, “kẻ khác không phải là một xã hội, mà là một Mày, một tha nhân, mà với họ tôi phải thôi tự xưng tôi là “Tôi - Tao”” [11, 54]. Jaspers cho rằng, con

người không thể đơn độc tiến tới hiện hữu. Ông cho rằng, chúng ta chỉ sống với tha nhân, mình tôi, tôi chẳng là gì cả. Ông đề cao sự thông cảm với tha nhân là khát vọng cuối cùng của con người. Sartre nhìn nhận cuộc sống với tha nhân là một cuộc sống chẳng những không đem lại cho một vinh quang hay một điều gì dễ chịu, mà còn là một bất hạnh lớn lao. “Sự kiện về tha nhân là không thể chối cãi được và như đánh hấn vào tim tôi. Tôi biết thế vì chính tôi thấy khó chịu. Tại tha nhân mà tôi luôn lâm nguy” [8, 133]. Theo Sartre, trong sự hiện hữu của mình, con người khám phá ra sự tồn tại của tha nhân và tha nhân là điều kiện cho sự hiện hữu của mình. Và con người tự nhận thức về bản thân thông qua nhận thức tha nhân, ta nhận ra sự tồn tại của tha nhân giống như tha nhân nhận ra sự tồn tại của ta vậy. Như vậy, giữa ta và tha nhân có mối liên hệ mật thiết, gắn bó với nhau. Mặc dù, tha nhân là kẻ cướp mất tự do, cướp mất vũ trụ của tôi nhưng tha nhân là có đó, nó cùng tôi tại song hành với sự tồn tại của tôi và tôi phải chấp nhận nó.

3. Giá trị của chủ nghĩa hiện sinh về con người

Trước hết, chúng ta phải khẳng định rằng, chủ nghĩa hiện sinh là một trong những học thuyết triết học ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội phương Tây vào những năm 40 - 60. Chủ nghĩa hiện sinh đã góp phần đưa con người trở về với thế giới con người, E. Mounier nhận xét: “Triết hiện sinh, trước hết là một triết lý về con người... về vận mệnh con người” [9, 43]. Chủ nghĩa hiện sinh chú trọng đến con người và xem vấn đề con người là hệ quy chiếu cho mọi vấn đề khác. “Không có một vũ trụ nào khác, ngoài vũ trụ nhân loại và vũ trụ của chủ quan tính nhân loại” [10, 51]. Con người trong chủ nghĩa hiện sinh

không phải là con người phổ quát như Socrates, Aristotle hay Descartes, mà là con người có xương thịt đang hiện hữu trong xã hội. Chủ nghĩa hiện sinh thể hiện tính nhân văn trong quan niệm về con người. Họ đã khắc họa khá thành công chân dung về con người trong thời đại khủng hoảng, đề từ đó đề cao giá trị làm người của mỗi người; đồng thời là tiếng nói tố cáo hiện thực xã hội.

Chủ nghĩa hiện sinh ra đời và tồn tại trong thời gian dài đã có sức hút đối với số đông dân chúng, phần lớn trong đó là giới trẻ. Các nhà hiện sinh đã khắc họa được những khát vọng của con người để từ đó nêu lên những vấn đề cần suy nghĩ ở con người đối với xã hội. Các nhà hiện sinh đã xây dựng nên bản thể luận về con người, cho thấy họ mong muốn khám phá đời sống tâm hồn của con người, đây là điều đáng trân trọng.

Các nhà hiện sinh đã khắc họa được hình ảnh con người cá nhân. Họ cho rằng, thế giới này như thế nào không quan trọng, cái quan trọng nhất là thế giới có ý nghĩa như thế nào đối với con người. Chủ nghĩa hiện sinh làm sáng tỏ được phần nào những mâu thuẫn của thời đại thông qua những mâu thuẫn trong mỗi cá nhân. “Theo chủ nghĩa hiện sinh, không có ai và không có gì có thể ràng buộc con người hành xử rập khuôn, mà không khác đi; không một chuẩn mực đạo đức nào thống trị con người; toàn bộ hành vi của con người trong những tình huống cụ thể được quyết định bởi lựa chọn tự do...” [4, 96].

Khác với các trào lưu triết học khác, triết học hiện sinh không chỉ dừng lại ở những lý thuyết, lý luận mà đi vào đời sống hàng ngày. Nó trở thành một phong trào mang tính hiện thực làm rung chuyển đời sống xã hội phương Tây. Các nhà hiện sinh

còn là những nhà hoạt động xã hội tích cực đấu tranh cho hòa bình và công lý. Quan điểm chống chiến tranh, chống cái ác là quan điểm hết sức tiên bộ của các nhà hiện sinh để bảo vệ nhân loại. Các nhà hiện sinh đề cao tự do, tự do lựa chọn. Tự do hiện sinh thể hiện rõ trong tự do lựa chọn một nghề nghiệp, một hướng đi, một chỗ đứng trong cuộc sống, nhằm đạt tới chỗ thực nhất của cá nhân.

Trong hệ thống tư tưởng của mình, phần lớn các nhà hiện sinh đều thông qua việc xác định đối tượng nghiên cứu là con người, để bày tỏ thông điệp mang tính nhân văn về cuộc sống. Nếu chúng ta biết lược bỏ những lời lẽ quá khích, cực đoan, thì sẽ tìm thấy những tư tưởng nhân văn đáng trân trọng trong đó. Các nhà hiện sinh đã khắc họa rõ nét hình ảnh con người cá nhân với những trăn trở, suy tư, giằng xé, lo âu về số phận của mình. Các nhà hiện sinh từ M. Heidegger, K. Jaspers, đến J. P. Sartre, A. Camus đã diễn tả được xã hội phương Tây lúc bấy giờ - một xã hội tha hoá, biến động. Các nhà hiện sinh hy vọng sẽ gợi mở những suy nghĩ nghiêm túc về trách nhiệm của bản thân trước những vấn đề liên quan đến vận mệnh mỗi người và lịch sử nhân loại.

Bên cạnh những giá trị thì chủ nghĩa hiện sinh vẫn còn những hạn chế nhất định như; Cách lý giải của chủ nghĩa hiện sinh về bản chất con người chứa đầy mâu thuẫn khi đã tách con người ra khỏi điều kiện lịch sử - xã hội nhất định. Mác - Lênin chỉ rõ: “Con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ngoài thế giới. Và bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội. Không có con người trừu tượng

thoát ly khỏi hoàn cảnh lịch sử xã hội để có thể tự tạo cho mình một bản chất” [1; 11]; Nếu như chủ nghĩa hiện sinh đem đối lập cá nhân với xã hội, với tha nhân với những luận điểm như: tha nhân là địa ngục, tha nhân nhìn tôi như muốn nuốt chửng tôi, v.v thì C. Mác và Ph. Ăngghen không tác cá nhân ra khỏi xã hội, đồng thời cũng không đối lập cá nhân với xã hội, mà luôn luôn trình bày cá nhân trong quan hệ xã hội nhất định; Quan niệm về tự do, lựa chọn và trách nhiệm chủ nghĩa hiện sinh cũng bộc lộ một số hạn chế như (1) tự do mà các nhà hiện sinh quan niệm có tính chất siêu hình, vì đó là thứ tự do vô hạn, không được đặt trong mối liên hệ biện chứng giữa tự do và tính tất yếu. (2) Tự do mà các nhà hiện sinh quan niệm là thứ tự do mơ hồ không được đặt trên cơ sở hiện thực, vì thế nó chỉ là những ước vọng của con người; Chủ nghĩa hiện sinh là tiếng nói tố cáo hiện thực xã hội, đề cao giá trị con người, nhân vị, tự do của con người nhưng chưa vạch ra con đường đấu tranh cách mạng để xoá bỏ hiện thực xã hội ấy.

4. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, chủ nghĩa hiện sinh đề cao vấn đề tồn tại người, đi vào những phương diện sâu xa, đặc thù nhất của con người. Chủ nghĩa hiện sinh khẳng định, tự do của con người là một sự tất yếu của lịch sử. Sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện sinh là một phản ứng mãnh liệt của những số phận con người đang đi tìm

lại chính mình đang bị lãng quên trong xã hội. Chính vì thế chủ nghĩa hiện sinh trở thành một trào lưu mang tính nhân văn của triết học phương Tây hiện đại. Nếu gạt bỏ những hạn chế nhất định thì chủ nghĩa hiện sinh vẫn còn những giá trị lịch sử bổ ích cho ngày nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ăngghen. Ph: *Toàn tập* (1993), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 3.
2. Friedrich Nietzsche (2006), *Buổi hoàng hôn của những thần tượng*, Nguyễn Hữu Hiệu (dịch và giới thiệu), Văn Học, Hà Nội.
3. Đỗ Đức Hiểu (1978), *Phê phán văn học hiện sinh chủ nghĩa*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
4. J. M. Melvil (1997), *Các con đường của Triết học phương Tây hiện đại*, Đinh Ngọc Thạch – Phạm Đình Nghiệm (biên dịch), Nxb Giáo Dục, Sài Gòn.
5. Sartre. J. P, *Buồn Nôn*, Nxb Văn học, Hà Nội 1994.
6. Sartre. J. P (1968), *Hiện sinh, một nhân bản thuyết*, Thụ Nhân (dịch), Nxb Thế sự, Sài Gòn.
7. Sartre. J. P (1965), *Kín cửa*, Nxb Giao Điểm, Sài Gòn.
8. Sartre. J. P (1965), *Hữu thể và hư vô*, Nxb Giao Điểm, Sài Gòn.
9. M. Mounier (1965), *Những chủ đề triết học hiện sinh*, Thụ Nhân (dịch) Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn.
10. P. Foulquié (1969), *Chủ nghĩa hiện sinh*, Thụ Nhân (dịch), Thế Sự, Sài Gòn.
11. R. Campbell, *Tìm hiểu chủ nghĩa hiện sinh*, (bản dịch của Nguyễn Văn Tạo và Nguyễn Hiến Lê), Nxb Tao Đàn, Sài Gòn.

Ngày nhận bài: 12/4/2016

Biên tập xong: 15/8/2017

Duyệt đăng: 20/8/2017